

**Cuộn điện từ**  
**VACC-S13-11-K4-1-EX4A**  
 Số bộ phận: 8109401

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                                                                                                      |
|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kiểu vận hành                                   | điện                                                                                                                                         |
| Vị trí lắp đặt                                  | bất kì                                                                                                                                       |
| Hiển thị vị trí chuyển mạch                     | không                                                                                                                                        |
| Thời gian bật                                   | 100%                                                                                                                                         |
| mức tiêu thụ điện năng yêu cầu                  | 16 mA                                                                                                                                        |
| Lớp cách nhiệt                                  | H                                                                                                                                            |
| Công suất đầu vào tối đa Pi                     | 1,2 W                                                                                                                                        |
| Điện áp đầu vào tối đa Ui                       | 32 V                                                                                                                                         |
| Dòng điện đầu vào tối đa Ii                     | 0,2 A                                                                                                                                        |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây                      | 14-32 V DC: 0,22 - 1,1 W                                                                                                                     |
| công suất bên trong hiệu quả Ci                 | nhỏ không đáng kể                                                                                                                            |
| Cảm ứng bên trong hiệu dụng Li                  | nhỏ không đáng kể                                                                                                                            |
| Dao động điện áp cho phép                       | -15 % / +10 %                                                                                                                                |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)             | theo chỉ thị EMC của EU<br>theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)<br>theo chỉ thị RoHS của EU                                              |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)           | theo quy định UK cho EMV (UK-E)<br>theo quy định UK EX (UK-X)<br>theo các quy định UK RoHS (UK-R)                                            |
| Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu | EPL Db (GB)<br>EPL Db (IEC-EX)<br>EPL Gb (GB)<br>EPL Gb (IEC-EX)                                                                             |
| Chống cháy nổ                                   | Vùng 1 (ATEX)<br>Vùng 1 (IEC EX)<br>Vùng 1 (UKEX)<br>Vùng 2 (ATEX)<br>Vùng 21 (ATEX)<br>Vùng 21 (IEC EX)<br>Vùng 21 (UKEX)<br>Vùng 22 (ATEX) |
| Cơ quan cấp chứng chỉ                           | BVS 15 ATEX E 030 X<br>IECEx BVS 15.0020 X<br>TÜV 21 UKEX 7016 X                                                                             |
| Danh mục ATEX Khí                               | II 2G                                                                                                                                        |
| Danh mục ATEX Bụi                               | II 2D                                                                                                                                        |

| Đặc tính                             | Giá trị                                                      |
|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| Loại chống cháy nổ Khí               | Ex ia IIC T5/T6 Gb                                           |
| Loại chống cháy nổ Bụi               | Ex ia IIIC T95°C/T80°C IP65 Db                               |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài | T5/T95°C: -30°C ≤ Ta ≤ +65°C<br>T6/T80°C: -30°C ≤ Ta ≤ +50°C |
| Tuân thủ LABS                        | VDMA24364 Vùng III                                           |
| Mức độ bảo vệ                        | IP65                                                         |
| trọng lượng sản phẩm                 | 330 g                                                        |
| Cổng nối điện                        | Hộp đấu cuối, đầu vào cấp M20x1,5                            |
| Ghi chú vật liệu                     | Tuân thủ RoHS                                                |